

Bản án số: 32/2018/HS-ST
Ngày 27-11-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Tuyết Minh
2. Ông Trần Quang Nghiêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2018/TLST – HS ngày 07 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Phong A, sinh năm 1962, nơi sinh huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú tổ 11, ấp Tân B, xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Dược sĩ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1939 (đã chết); Vợ Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1966, con có tất cả 02 người (01 nam, 01 nữ) sinh năm 1989 và sinh năm 1991. Vợ và con cùng ngụ tổ 11, ấp Tân B, xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Anh chị em ruột có tất cả 06 người (4 nam, 2 nữ), lớn nhất sinh năm 1962, nhỏ nhất sinh năm 1976. Tiền sự: Không, Tiền án : Không. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị hại: Bà Lê Thị B, sinh năm 1940 nơi cư trú tổ 11, ấp Tân B, xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3. 1. Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1966 nơi cư trú tổ 11, ấp Tân B, xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

3. 2. Bà Nguyễn Thị Hồng Lu, sinh năm 1974 nơi cư trú ấp Tân Q, xã Tân B, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 10/6/2018, Nguyễn Phong A sinh năm 1962 đang ở nhà một mình thuộc tổ 11, ấp Tân B, xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bà Lê Thị B, sinh năm 1940 (Là mẹ vợ của A, ở cùng nhà với A) để bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Nguyễn Phong A mới lấy chùm chìa khóa cũ có sẵn trong nhà mở cửa phòng ngủ của bà Lê Thị B. Khi mở được cửa phòng thì A đi vào giường ngủ của bà B để tìm kiếm tài sản thì phát hiện ở đầu nệm nơi bà B ngủ có 01 lỗ thủng nên A đưa tay vào và lấy ra 01 bọc nilon màu vàng, bên trong có 02 túi vải đựng vàng nữ trang thì 01 túi vải đựng vàng 24k gồm: 01 chiếc vòng bằng kim loại vàng, trọng lượng 2 chỉ, 01 sợi dây chuyền và mặt bằng kim loại vàng, trọng lượng 5,5 chỉ; 02 chiếc nhẫn trơn bằng kim loại vàng, trọng lượng 2 chỉ và 01 túi vải đựng vàng 18k gồm: 01 tấm lắc bằng kim loại vàng, trọng lượng 3,53 chỉ; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại vàng, trọng lượng 0,39 chỉ; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại vàng, có trọng lượng 4,19 chỉ và 01 mặt bằng kim loại vàng có trọng lượng 0,7 chỉ. A lấy hết tài sản trên rồi đi ra khỏi phòng và khóa cửa lại. A đem số tài sản vừa trộm được chôn dưới đất trong chuồng gà phía sau nhà. Đến ngày 13/6/2018 A đem tất cả số vàng 24k đến tiệm vàng (không rõ tên) ở khu vực thuộc xã Long Kh, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh bán được số tiền 32.600.000 đồng, còn vàng 18k thì A chôn giấu dưới đất trong chuồng gà. Sau khi bán tài sản trộm cắp được thì A mua 02 con gà trống đá, một máy phát cỏ, trả nợ và qua Campuchia đánh bạc, còn lại số tiền 1.500.000 đồng.

Đến ngày 05/7/2018 bà Lê Thị B kiểm tra tài sản thì phát hiện tài sản bị mất nên trình báo Công an xã Tân Th.

Qua điều tra, Nguyễn Phong A đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, A giao nộp số tiền bán vàng trộm được còn lại là 1.500.000 đồng và chỉ địa điểm nơi cất giấu vàng 18k để Công an thu hồi.

Ngày 18/7/2018 Hội đồng định giá tài sản huyện BT, tỉnh Vĩnh Long tiến hành định giá và kết luận các tài sản mà A lấy trộm của bà B có tổng trị giá là 53.573.500 đồng.

Đối với vật chứng vụ án:

Cơ quan điều tra đã thu hồi toàn bộ số vàng 18k mà A đã cất giấu gồm: 01 tấm lắc bằng kim loại vàng, trọng lượng 3,53 chỉ; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại vàng, trọng lượng 0,39 chỉ; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại vàng, có trọng lượng 4,19 chỉ và 01 mặt bằng kim loại vàng có trọng lượng 0,7 chỉ.

Đối với 02 con gà trống, 01 máy phát cỏ, A bán vàng trộm cắp mua được, hiện tại A đang để ở nhà của Nguyễn Thị Hồng L thuộc tổ 11, ấp Tân B, xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long nên ngày 13/7/2018 Cơ quan điều tra đã giao cho bà L bảo quản, quản lý tài sản trên.

Đối với chùm chìa khóa mà A sử dụng để mở ổ khóa phòng của bà B thì A đã ném xuống kênh ông Huyện gần cầu Đập Đá, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

Riêng số vàng 24k, Ảnh đã bán tại tiệm vàng ở xã Long Kh, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh do Ảnh khai không rõ địa chỉ cụ thể nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi được.

Về phần trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị B đã nhận lại toàn bộ số vàng 18k mà công an đã thu hồi và nhận lại số vàng 24k với số tiền 33.560.000 đồng do Nguyễn Thị Hồng L (vợ của A) mua bồi thường thay cho A. Sau khi nhận lại tài sản thì bà B đã làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Phong A và không yêu cầu gì khác.

Nguyễn Thị Hồng Lu (con bà B) có gửi cho bà B số vàng 18k cất giữ bị A lấy trộm, sau khi Cơ quan điều tra đã trả lại số vàng 18k cho bà B thì bà B đã giao lại cho Lu. Sau khi nhận lại tài sản thì L không yêu cầu gì.

Nguyễn Thị Hồng Lu cũng không yêu cầu A phải trả lại cho L số tiền mà L đã bồi thường cho bà B mà L yêu cầu nhận lại số tiền 1.500.000 đồng công an thu giữ và nhận 02 con gà trống, 01 máy phát cỏ mà A bán vàng trộm cắp mua được đang giao cho L quản lý.

Nguyễn Phong A khai nhận sau khi bán vàng trộm cắp có được thì A sử dụng tiền để đánh bạc. Đối với hành vi này, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Tại Cáo trạng số: 31/CT-VKSBT ngày 05/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố bị cáo Nguyễn Phong A về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ Luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Phong A khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu. Bị cáo biết việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật bị cáo đã chỉ nơi cất giấu vàng 18k để công an thu hồi và đã tác động vợ bồi thường số vàng 24k cho bà B xong, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hiện Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện BT còn tạm giữ của bị cáo số tiền 1.500.000 đồng; công an giao 02 con gà trống, 01 máy phát cỏ cho vợ bị cáo là L quản lý nhưng hiện tại 02 con gà trống đã mất, bị cáo xin Hội đồng xét xử giao cho vợ bị cáo là L nhận lại số tiền 1.500.000 đồng và 01 máy phát cỏ.

Người bị hại bà Lê Thị B trình bày: Bà có ý kiến vẫn bảo lưu ý kiến trình bày trong quá trình điều tra. Bà biết theo quy định pháp luật bà thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý nhưng bà không yêu cầu được trợ giúp vì bà vẫn đảm bảo sức khỏe tự mình tham gia tố tụng. Về trách nhiệm hình sự bà xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo, về trách nhiệm dân sự bà đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng L : Bà là vợ của bị cáo sau khi bà biết việc bị cáo lấy trộm tài sản của bà B, bị cáo có kêu bà bỏ ra số tiền 33.560.000 đồng để thay bị cáo bồi thường số vàng 24k

cho bà B, bà xác định không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này. Đối với 02 con gà trống quá trình điều tra công an tạm giao bà quản lý thì 02 con gà này đã bị mất, hiện bà chỉ còn giữ 01 máy phát cỏ. Bà đã thay bị cáo bồi thường, bà xin nhận lại số tiền 1.500.000 đồng và 01 máy phát cỏ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và các đương sự khác không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Phong A về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo A phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Hình phạt chính: Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm b, s, t Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51, điểm i Khoản 1 Điều 52 và Điều 54, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02 năm đến 03 năm.

- Hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 BLDS năm 2015.

Tại phiên tòa người bị hại bà B đã nhận lại toàn bộ số nữ trang vàng 18k mà công an đã thu hồi và nhận lại số vàng 24k với số tiền 33.560.000 đồng do bà L mua bồi thường thay cho bị cáo. Sau khi nhận lại tài sản bà B không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

- Bà Nguyễn Thị Hồng L có gửi cho bà B giữ số vàng 18k bị A lấy trộm. Sau khi cơ quan công an đã trả lại cho bà B thì bà B đã giao lại cho L. Sau khi nhận lại tài sản thì L không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền mà bà đã thay bị cáo bồi thường cho bà B.

* Về xử lý vật chứng: Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Do Nguyễn Thị Hồng L đã bồi thường cho bà B thay bị cáo nên bà L yêu cầu nhận lại số tiền 1.500.000 đồng công an đang tạm giữ và nhận 01 máy phát cỏ (hiện L đang quản lý). Riêng 02 con gà trống đã bị mất không yêu cầu. Đề nghị giao, trả cho L số tiền 1.500.000 đồng và 01 máy phát cỏ.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật và mức hình phạt đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã hối hận nhiều rồi, hiện bị cáo bị nhiều thứ bệnh nên xin hưởng án treo để bị cáo có điều kiện trị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Bình Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Phong A khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo A phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 12 giờ sáng ngày 10/6/2018 bị cáo Nguyễn Phong A có hành vi lén lút đột nhập vào phòng ngủ của bà Lê Thị B tìm tài sản để lấy trộm: 01 túi vải đựng vàng 24k gồm: 01 chiếc vòng bằng kim loại vàng, trọng lượng 2 chỉ, 01 sợi dây chuyền và mặt, trọng lượng 5,5 chỉ; 02 chiếc nhẫn trơn, trọng lượng 2 chỉ và 01 túi vải đựng vàng 18k gồm: 01 tấm lắc trọng lượng 3,53 chỉ; 01 chiếc nhẫn trọng lượng 0,39 chỉ; 01 sợi dây chuyền có trọng lượng 4,19 chỉ và 01 mặt có trọng lượng 0,7 chỉ với tổng giá trị tài sản là 53.573.500 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân truy tố bị cáo Nguyễn Phong A phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ Luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Bị cáo ý thức được việc lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Bản thân bị cáo có đầy đủ sức khỏe để lao động tạo ra của cải vật chất như bao người khác nhưng vì muốn có nhiều tiền để tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã lấy trộm tài sản của bà B với tổng giá trị là 53.573.500 đồng. Hành vi của bị cáo là xem thường pháp luật, do đó cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống và ngăn ngừa tội phạm cho xã hội. Tuy nhiên, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự do đó không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương cải tạo, giáo dục bị cáo một thời gian là đủ.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng “ phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên” quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự bởi vì tính đến thời điểm phạm tội bị hại Lê Thị B đã trên 70 tuổi (78 tuổi). Sau khi phạm tội và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại, trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm giải quyết vụ án (chỉ chỗ cất giấu vàng), người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hưởng án treo, Liệt sĩ Nguyễn Văn T là chú ruột của bị cáo đã có công trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b,s,t Khoản 1 Điều 51 và Khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản phạm tội có tính chất vụ lợi, tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo tự uống thuốc diệt cỏ nên hiện nay sức khỏe suy giảm không có khả năng lao động nên khó khăn về kinh tế. Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại bà B và người liên quan bà L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Bà Lu vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có ý kiến trong hồ sơ không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Đối với số tiền 1.500.000 đồng mà Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện BT đang tạm giữ của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo yêu cầu giao lại cho Nguyễn Thị Hồng L nhận vì đã thay bị cáo bồi thường số vàng 24k cho bà B. Bà L yêu cầu nhận lại số tiền này nên Hội đồng xét xử chấp nhận trả lại cho bà L nhận số tiền 1.500.000 đồng.

- Đối với 02 con gà trống và 01 máy phát cỏ trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã tạm giao cho bà Lê quản lý, tại phiên tòa bị cáo, bà L đều trình bày 02 con gà trống đã bị mất, bà L chỉ còn giữ 01 máy phát cỏ, bị cáo yêu cầu giao cho bà L quản lý sử dụng, bà L yêu cầu nhận 01 máy phát cỏ để quản lý, sử dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho bà L quản lý, sử dụng 01 máy phát cỏ.

- Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện BT đã trả lại cho bà Lê Thị B: 01 tấm lắc bằng kim loại vàng, trọng lượng 3,53 chỉ; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại vàng, trọng lượng 0,39 chỉ; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại vàng, có trọng lượng 4,19 chỉ và 01 mặt bằng kim loại vàng có trọng lượng 0,7 chỉ.

[8] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đến các chứng cứ được đưa ra thẩm tra tại phiên tòa, đã đánh giá đúng hành vi, tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo. Về đề nghị mức hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Phong A phải nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phong A phạm “ Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173, điểm b,s,t Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51; điểm i Khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Phong Ảnh 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm, kể từ ngày 27/11/2018.

Giao bị cáo Nguyễn Phong A cho Ủy Ban nhân dân xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung : Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về các vấn đề khác:

2.1 Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại bà Lê Thị B và người liên quan bà Nguyễn Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Hồng Lu không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.2 Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tại phiên tòa bị cáo yêu cầu trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng L nhận số tiền 1.500.000 đồng hiện do Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện BT đang tạm giữ vì bà L đã thay bị cáo bồi thường số vàng 24k cho bà B. Bà L yêu cầu nhận lại số tiền này nên Hội đồng xét xử chấp nhận trả lại cho bà L nhận số tiền 1.500.000 đồng. (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Đối với 02 con gà trống và 01 máy phát cỏ trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giao cho bà L quản lý, tại phiên tòa bị cáo, bà L điều trình bày 02 con gà trống đã bị mất, bà L chỉ còn giữ 01 máy phát cỏ, bị cáo yêu cầu giao cho bà L nhận 01 máy phát cỏ để quản lý, sử dụng, bà L yêu cầu nhận 01 máy phát cỏ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho bà Nguyễn Thị Hồng L quản lý, sử dụng 01 máy phát cỏ.

- Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện BT đã trả lại cho bà Lê Thị B: 01 tấm lắc bằng kim loại vàng, trọng lượng 3,53 chỉ; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại vàng, trọng lượng 0,39 chỉ; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại vàng, có trọng lượng 4,19 chỉ và 01 mặt bằng kim loại vàng có trọng lượng 0,7 chỉ.

2.3 Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Phong A phải nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử công khai bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Lu vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(*Đã ký tên và đóng dấu*)

Nơi nhận:

- TAND.tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSND huyện Bình Tân 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long 01;
- Sở Tư pháp 01;
- CA huyện Bình Tân 01;
- Chi cục THAH Bình Tân 01;
- Bị cáo 01;
- Các đương sự 05;
- Lưu HS 01.

Nguyễn Thị Hồng Diễm